

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 05 - 03 - 2019  
(Về việc xin ly hôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Diệp Chí Nguyễn

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 1070/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Mai X, sinh năm 1992.

Địa chỉ nơi cư trú: 173, đường T, khóm B, phường N, Tp C, tỉnh Cà Mau.  
(có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: 173, đường T, khóm B, phường N, Tp C, tỉnh Cà Mau.  
(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

*Về hôn nhân:* Chị X trình bày, chị và anh Nguyễn Thanh N kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, Tp. C cấp giấy chứng nhận. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân. Chị X xác định không còn tình cảm với anh N nên xin được ly hôn.

Ý kiến của anh N trình bày, anh và chị X kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, Tp.C cấp giấy chứng nhận. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, nay chị X yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

*Về con chung:* Chị X xác định có 02 con chung tên Nguyễn Bảo C, sinh ngày 08/03/2010 và Nguyễn Thiên B, sinh ngày 10/9/2018 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh N trình bày, anh xác định có 02 con chung tên Nguyễn Bảo C, sinh ngày 08/03/2010 và Nguyễn Thiên B, sinh ngày 10/9/2018 hiện đang sống với chị X. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi cả 02 con, anh đồng ý giao 02 con

chung cho chị X nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị X mỗi cháu 3.000.000đ/tháng.

*Về tài sản chung:* Chị X và anh N xác định có, nhưng đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị X và anh N xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trần Mai X về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh N thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại số 173, đường T, khóm B, phường N, Tp C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt quyết định xét xử và giấy triệu tập cho các đương sự, khi đó anh N đã có ý kiến xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị X và anh N kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, Tp.C cấp giấy chứng nhận. Chị X và anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Chị X xác định không còn tình cảm với anh N nên xin được ly hôn và anh N đồng ý. Xét thấy lời trình bày của chị X và anh N trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị X và anh N xác định có 02 con chung tên Nguyễn Bảo C, sinh ngày 08/03/2010 và Nguyễn Thiên B, sinh ngày 10/9/2018 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi cả 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 3.000.000đ/tháng và anh N đồng ý. Xét thấy lời trình bày của chị X và anh N trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị X và anh N xác định có, nhưng đề tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị X và anh N xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm chị X nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mai X về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 08/03/2010 và Nguyễn Thiên B, sinh ngày 10/9/2018 (hiện cả hai đang sống với chị X) cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi đứa 3.000.000đ/tháng (2 đứa x 3.000.000đ/đứa/tháng = 6.000.000đ). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu, anh N có nghĩa vụ tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, trường hợp không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Về tài sản chung: Chị X và anh N xác định có, nhưng để tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị X và anh N xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị X nộp 300.000đ. Vào ngày 17 tháng 12 năm 2018, chị X đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0001800 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh N có nghĩa vụ nộp 300.000đ (chưa nộp).

Chị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- **UBND phường 5, TPCM;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

(Đã ký)

**Diệp Chí Nguyễn**